



# CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN THĂNG LONG

Trụ sở chính tại Hà Nội  
VPĐD tại TP.HCM  
Chi nhánh tại Lạng Sơn  
VPĐD tại Lào Cai  
VPĐD tại Hải Dương  
VPĐD tại Sơn La  
VPĐD tại Bắc Kạn

:Số 23/61 đường Trần Duy Hưng  
:C14 Hạch Thông Tây, P.11, Q. Gò Vấp  
:Số 100 đường Lê Lợi  
:Số 112 Cốc Lếu, TP. Lào Cai  
:Số 2/27 đường Bùi Thị Xuân  
:Tổ 3-P. Quyết Thắng, TX. Sơn La  
:Số 189-Tổ 4-P. Đức Xuân-TX. Bắc Kạn

-Tel: 04 6251 0008  
-Tel: 08 3589 7462  
-Tel: 025 3 718 545  
-Tel: 020 2 219 989  
-Tel: 0320 3 252 212  
-Tel: 022 2241 323  
-Tel: 0281 2200 474

\*Fax: 04 6251 1327  
\*Fax: 08 3589 7462  
\*Fax: 025 3 716 264  
\*Fax: 020 2 219 989  
\*Fax: 0320 3 252 212  
\*Fax: 022 1 751 323  
\*Fax: 0281 2200 474

Số: 20/09/BCKT/TC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về báo cáo tài chính năm 2008 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đại Tín

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Ngân hàng Thương mại cổ phần Đại Tín**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Thăng Long đã kiểm toán báo cáo tài chính năm 2008 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đại Tín gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 5 đến trang 27 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Ngân hàng. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### **Cơ sở ý kiến:**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên:**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đại Tín tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan khác do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành.

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN**



**TU QUỲNH HẠNH**

Chứng chỉ KTV số: 0313/KTV

Hà Nội, ngày 01 tháng 04 năm 2009

**Kiểm toán viên**

**NGUYỄN TRUNG KIÊN**

Chứng chỉ KTV số: 1129/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

A	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2008 (1000 VND)	01/01/2008 (1000 VND)
I	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	V.01	41.724.685	18.019.080
II	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	V.02	590.982.936	33.680.008
III	Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các tổ chức tín dụng khác	V.03	339.909.357	99.541.363
1	Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác		339.909.357	99.541.363
VI	Cho vay khách hàng		1.622.172.946	830.691.460
1	Cho vay khách hàng	V.04	1.624.279.861	831.213.981
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	V.05	(2.106.915)	(522.521)
VII	Chứng khoán đầu tư	V.06	3.513.183	6.766.167
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		3.513.183	6.766.167
IX	Tài sản cố định	V.7	151.672.947	124.915.526
1	Tài sản cố định hữu hình		43.880.741	16.110.554
A	Nguyên giá		48.685.941	18.118.407
B	Hao mòn TSCĐ		(4.805.200)	(2.007.853)
3	Tài sản cố định vô hình	V.8	107.792.206	108.804.972
A	Nguyên giá		108.370.598	109.420.408
B	Hao mòn TSCĐ		(578.392)	(615.436)
XI	Tài sản có khác		240.423.382	28.999.204
1	Các khoản phải thu	V.9	161.655.496	16.396.452
2	Các khoản lãi, phí phải thu		33.656.993	11.902.356
4	Tài sản có khác		45.110.893	700.396
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>			<b>2.990.399.436</b>	<b>1.142.612.808</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

B	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	Thuyết minh	31/12/2008 (1000 VND)	01/01/2008 (1000 VND)
I	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN		0	0
II	Tiền gửi và vay TCTD khác	V.10	320.687.790	182.036.476
1	Tiền gửi của các TCTD khác		320.687.790	182.036.476
III	Tiền gửi của khách hàng	V.11	2.015.543.686	311.187.256
V	Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	V.12	39.045.157	53.693.957
VII	Các khoản nợ khác		32.741.944	17.886.110
1	Các khoản lãi, phí phải trả		26.940.043	9.565.338
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	V.13	5.801.901	8.320.772
VIII	Vốn và các quỹ khác	V.14	582.380.859	577.809.009
1	Vốn của TCTD		552.715.294	552.263.676
a	Vốn điều lệ		504.077.000	504.077.000
b	Vốn đầu tư xây dựng cơ bản		1.018.894	567.276
c	Thặng dư vốn cổ phần		47.619.400	47.619.400
2	Quỹ của TCTD		6.367.667	2.370.401
4	Lợi nhuận chưa phân phối /Lỗ lũy kế		23.297.898	23.174.932
<b>Tổng cộng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu</b>			<b>2.990.399.436</b>	<b>1.142.612.808</b>



**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2008 (1000 VND)	01/01/2008 (1000 VND)
Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn		302.522.301	250.000
Bảo lãnh vay vốn		0	0
Cam kết trong nghiệp vụ L/C		0	0
Bảo lãnh khác		302.522.301	250.000
Các cam kết đưa ra		0	0


Lập ngày 20 tháng 03 năm 2009

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Trưởng Giám đốc



TRẦN NGUYỄN NHẬT LINH

PHAN THỊ LỆ DUNG

TRẦN SƠN NAM

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

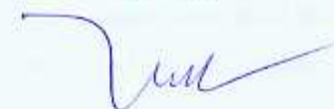
CHỈ TIÊU		Thuyết minh	Năm 2008 (1000 VND)	Năm 2007 (1000 VND)
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	VI.15	188.484.416	98.305.060
2	Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự	VI.16	120.298.792	48.475.373
1	<b>Thu nhập lãi thuần</b>		<b>68.185.624</b>	<b>49.829.687</b>
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		3.075.874	334.277
4	Chi phí hoạt động dịch vụ		1.235.981	696.965
II	<b>Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ</b>	<b>VI.17</b>	<b>1.839.893</b>	<b>(362.688)</b>
III	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối		613	0
IV	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh		0	0
V	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư	VI.18	16.180	0
5	Thu nhập từ hoạt động khác		4.220.694	2.854.914
6	Chi phí hoạt động khác		35.893	11.738
VI	<b>Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác</b>	<b>VI.19</b>	<b>4.184.801</b>	<b>2.843.176</b>
VII	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần		0	0
VIII	Chi phí hoạt động	VI.20	43.497.488	19.869.686
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		30.729.623	32.440.489
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		1.899.664	253.083
XI	<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>		<b>28.829.959</b>	<b>32.187.406</b>
7	Chi phí thuế TNDN hiện hành		8.072.389	9.012.474
8	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		0	0
XII	<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>VI.21</b>	<b>8.072.389</b>	<b>9.012.474</b>
XIII	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>		<b>20.757.570</b>	<b>23.174.932</b>

Lập, ngày 20 tháng 03 năm 2009

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






TRẦN NGUYỄN NHẬT LINH

PHAN THỊ LỆ DUNG

TRẦN SƠN NAM